

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/DS-ST

Ngày: 22/6/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vẹn
2. Bà Dương Hiền Huệ

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 467/2019/TLST - DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà M, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh G

Người đại diện theo ủy quyền: Chị N, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh G

2. *Bị đơn:* - Bà B, sinh năm 1962

- Anh C, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, G, tỉnh G

Chị N có mặt; bà B, anh C vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2019 của bà M và quá trình giải quyết vụ án chị N là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/6/2018 ÂL, bà M có cho anh C và bà B vay số tiền 60.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Khi vay thì bà B và anh C có viết biên nhận và có ký tên. Tuy nhiên trong quá trình vay

tiền thì bà B và anh C không có trả lãi và khi đến hạn thì bà B và anh C cũng không trả lại tiền vốn.

Nay bà M yêu cầu bà B và anh C trả cho bà M số tiền nợ vốn là 60.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 20/6/2018 AL đến ngày vụ án được xét xử với lãi suất là 1,66%/tháng (tạm tính thành tiền là 12.948.000 đồng).

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà B và anh C biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng bà B và anh C vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc bà B khởi kiện, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà B và anh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B và anh C là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà M yêu cầu bà B và anh C trả số tiền vay còn nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh G, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà M khởi kiện yêu cầu bà B và anh C trả tiền vay còn nợ với số tiền gốc là 60.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà M là tờ “*Biên nhận mượn tiền*” do bà M cung cấp có bà B và anh C ký tên. Có đủ cơ sở xác định giữa bà M với bà B và anh C đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà B và anh C tuy nhiên bà B và anh C không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà M. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà B và anh C phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định bà B và anh C còn nợ bà M số tiền 60.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Xét thấy bà B và anh C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, buộc bà B và anh C trả cho bà M số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Tại phiên tòa, chị N yêu cầu tính lãi từ ngày 20/7/2018 ÆL đến thời điểm xét xử là 21 tháng với lãi suất 0,83%/tháng số tiền là 10.500.000 đồng. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”*. Do đó, chị N yêu cầu bà B và anh C trả tiền lãi chậm trả là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Buộc bà B và anh C liên đới trả cho bà M số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà M cho đến khi thi hành án xong, bà B và anh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà B và anh C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.525.000 đồng

Bà M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.823.000 đồng theo biên lai thu tiền số 3295 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc